bò ji

簸箕

noun · dustpan; winnowing basket

Example Sentences

tā yòng bò ji bǎ lā jī sǎo zǒu le
他 用 簸箕把垃圾扫 走了。

He used a dustpan to sweep away the trash.

nóng mín yòng bò ji lái fēn lí dào gǔ hé gǔ ké
农 民 用 簸箕来分离稻谷和谷壳。

Farmers use a winnowing basket to separate rice grains from husks.

zhè ge bò ji shì yòng zhú zi biān chéng de fēi cháng jiē shi
这个簸箕是 用 竹子编 成 的，非 常 结实。

This winnowing basket is woven from bamboo and is very sturdy.

Trace each character, then write the word on your own.